

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 3957/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 26 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường
tại sông Kôn, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
(Nâng công suất từ 26.000 m³/năm lên 149.934 m³/năm)
của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thành Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1831/STNMT-CCBVMT ngày 09/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thành Châu;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (Nâng công suất từ 26.000 m³/năm lên 149.934 m³/năm) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 26/GT-TC ngày 13/10/2023 của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thành Châu;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1281/TTr-STNMT ngày 25/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (Nâng công suất từ 26.000 m³/năm lên

149.934 m³/năm) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thành Châu (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại sông Kôn, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Xuân;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI
SÔNG KÔN, XÃ TÂY XUÂN, HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH
(NÂNG CÔNG SUẤT TỪ 26.000 M³/NĂM LÊN 149.934 M³/NĂM) CỦA
CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH CHÂU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (Nâng công suất từ 26.000 m³/năm lên 149.934 m³/năm).
- Địa điểm thực hiện: Tại sông Kôn, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thành Châu.
- Địa chỉ liên hệ: Số 03 đường Lê Lai, phường Ngô Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: (0266) 3520 487. (Ông Nguyễn Quốc Hoàn, Giám đốc).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích dự án: 10,5 ha.
- Mục đích khai thác: Phục vụ công trình đường ven biển Cát Tiến - Diêm Vân.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h00 và từ 13h00 đến 17h00).
- Trữ lượng, công suất được phép khai thác: Trữ lượng được phép khai thác còn lại tại thời điểm lập hồ sơ nâng công suất được tính bằng trữ lượng cát còn lại sau khi khấu trừ khối lượng đã khai thác (theo Tờ khai thuế tài nguyên tính từ tháng 01/2023 đến tháng 08/2023) tại Giấy phép số 134/GP-UBND ngày 25/10/2022 là 198.438 m³ cát địa chất làm vật liệu xây dựng thông thường. Theo đó, trữ lượng huy động vào khai thác sau khi để lại bờ mỏ để đảm bảo an toàn là 194.916 m³ cát địa chất (tương ứng 221.035 m³ cát nguyên khai với hệ số nở ròi là 1,134). Công suất, thời gian khai thác như sau:

- + Năm thứ nhất: 44.982 m³ cát địa chất.
- + Năm thứ 2: 149.934 m³ cát địa chất.

1.3. Phương pháp khai thác:

Khu vực mỏ phân thành 02 lô khai thác để thực hiện khai thác trong 02 năm. Mỏ vỉa khai thác từ phía Tây Bắc khu mỏ (tại điểm góc số 1) thuộc lô 1, khai thác theo lớp bằng, tuyến khai thác được phát triển từ hướng Tây sang

Đông (từ phía thượng lưu dần xuống phía hạ lưu), khai thác từ ngoài mép nước ở giữa dòng sông vào phía bờ với chiều sâu khai thác trung bình 2,0 m, cao trình kết thúc khai thác không thấp hơn +14 m. Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác, tập kết cát tại bãi lưu chứa tạm trước khi đưa lên ô tô vận chuyển tải trọng 12 tấn đến nơi thi công công trình đường ven biển Cát Tiến - Diêm Vân (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp khai thác, tên công trình thi công và tên mỏ cát).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Khu vực phụ trợ (nằm ngoài ranh giới mỏ): bố trí nhà điều hành, nhà vệ sinh, camera, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Bãi lưu chứa cát tạm (nằm trong ranh giới mỏ), diện tích khoảng 500 m² để thực hiện lưu chứa cát rút nước, đảm bảo cát khô trước khi vận chuyển tiêu thụ. Thời gian lưu chứa tối đa 2 ngày.

- Tuyến đường vận tải ngoài mỏ di chuyển theo hướng từ dự án ra Quốc lộ 19, cụ thể như sau:

- + Tuyến đường bê tông hiện trạng nối từ đường Quốc lộ 19 đến tuyến đường đất hiện trạng có kích thước: dài 400 m x rộng 5 m.

- + Tuyến đường đất hiện trạng nối từ tuyến đường bê tông hiện trạng đến tuyến đường qua nhánh sông có kích thước: dài 315 m x rộng 6 m.

- + Tuyến đường đất qua nhánh sông hiện trạng nối từ tuyến đường đất hiện trạng đến ranh giới mỏ có kích thước dài 70 m x rộng 6 m (Công ty đã bố trí 10 cống D1.000, chiều dài 2,5 m) để đảm bảo thoát nước, dẫn nước về trạm bơm Phú Gia ở hạ lưu và vận chuyển cát. Sau khi kết thúc khai thác, công ty tiến hành tháo dỡ để đảm bảo lưu thông dòng chảy.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Tuyến đường nội bộ và bãi lưu chứa cát tạm có khả năng gây cản trở dòng chảy trong mùa mưa.

- Hoạt động khai thác cát tại dự án gây nguy cơ sạt lở kè, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của người dân; nguy cơ thiếu hụt nước cấp cho Trạm bơm nông nghiệp Phú Gia ở hạ lưu dự án.

- Hoạt động vận chuyển cát đi tiêu thụ có nguy cơ gây rơi vãi cát, bụi và hư hỏng đến tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt khoảng 0,576 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Khí thải, bụi: phát sinh từ quá trình khai thác, lưu chứa tạm và vận chuyển cát.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 5,4 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại

- + Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm.

- + Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 14 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ.

3.4. Các tác động khác: không.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực phụ trợ để thu gom, xử lý. Khi bể đầy, thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển cát (đoạn đường đất hiện trạng): thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày, tăng cường vào mùa nắng và khi có yêu cầu của địa phương.

- Khu vực bãi tập kết cát tạm: khống chế độ cao lưu chứa dưới 03 m, thực hiện phun nước tạo ẩm vào mùa nắng, che chắn đảm bảo để giảm thiểu bụi, cát bay.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực gần nhà điều hành để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa tại khu vực nhà điều hành,

hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực mỏ				
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	04	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc dự án
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	9.746	Đảm bảo địa hình kết thúc sau khai thác thoải trong bờ ra lòng sông, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh	Sau khi kết thúc khai thác
3.	Đo vẽ địa hình khu vực mỏ	ha			
	Đo vẽ địa hình trong phạm vi ranh giới mỏ	ha	10,5	Giám sát chiều sâu khai thác; đánh giá sạt lở bờ sông	Định kỳ hàng năm và sau khi kết thúc khai thác
	Đo vẽ các mặt cắt ngang sông	m	600		
II	Khu vực ngoài mỏ				
1.	Vệ sinh tuyến đường vận chuyển (đoạn đường bê tông từ nhà điều hành mỏ ra Quốc lộ 19)	m ³	100	Giảm thiểu bụi, cát bay	Thường xuyên
2.	Cải tạo, nâng cấp đoạn đường đất từ nhà điều hành mỏ đến bờ sông	m ³	756	Trả lại hiện trạng ban đầu	Sau khi kết thúc khai thác
3.	Tháo dỡ tuyến đường đất từ ranh giới mỏ đến bờ sông (đoạn có cống ngầm)	m ³	373	Đảm bảo khơi thông dòng chảy của sông	Sau khi kết thúc khai thác
4.	Tháo dỡ ống cống bê tông	cái	10	Đảm bảo khơi thông dòng chảy của sông	Sau khi kết thúc khai thác

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
5.	Tháo dỡ nhà điều hành, nhà vệ sinh di động	m ²	15	Trả lại hiện trạng ban đầu	Định kì khi có cát vương vãi và sau khi thúc khai thác mỏ.
6.	Tháo dỡ đường giao thông có cống ngầm vào năm khai thác cuối	m ³	995	Đảm bảo khơi thông dòng chảy của sông	Sau khi kết thúc khai thác
7.	San gạt mặt bằng sân công nghiệp	cái	10	Trả lại hiện trạng ban đầu	Sau khi kết thúc khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **603.097.000 đồng** (Sáu trăm linh ba triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- Theo Giấy xác nhận số 173/GXN-QBVMT ngày 11/8/2023 của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định thì số tiền Công ty đã nộp ký quỹ cho dự án đến năm 2023 là 423.709.622 đồng.

- Số tiền ký quỹ Công ty phải nộp (sau khi khấu trừ số tiền đã nộp), cụ thể như sau: $603.097.000 - 423.709.622 = 179.387.378$ đồng. Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

- Số lần ký quỹ: 01 lần với số tiền 179.387.378 đồng vào năm 2024.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Sau khi kết thúc khai thác, thực hiện tháo dỡ đường nội bộ và các tuyến cống thoát nước bắt qua đường nội bộ đảm bảo thông thoáng dòng chảy.

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng bờ mỏ tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở ảnh hưởng kè, ảnh hưởng diện tích hoa màu bà con, gây hiện tượng thiếu nước đưa về trạm bơm nông nghiệp Phú Gia, phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: không.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát dòng chảy:

- Thực hiện giám sát việc khai thác đảm bảo lưu thông dòng chảy.
- Vị trí giám sát: giám sát tại khu vực dự án.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở hai bên bờ, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển cát.
- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.